

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4172/QĐ- UBND ngày 02/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư phòng chẩn trị y học cổ truyền, phục hồi chức năng Hợp Lực kết hợp mở rộng Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực tại phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa; Quyết định số 3947/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo ĐTM Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Bệnh viện ĐK Hợp Lực (giai đoạn 3) tại phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa của Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 447/HL ngày 14/11/2023 của Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 801/TTr-STNMT ngày 14 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Một thành viên Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực tại số 595, Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực tại phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực

1.2. Địa điểm hoạt động: số 595, Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: mã số doanh nghiệp 2801178302-002 đăng ký lần đầu ngày 20/10/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 30/6/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 112/BYT-GPHĐ ngày 18/4/2023 do Bộ Y tế cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: 2801178302-002

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 13.525,5 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: 800 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi

chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 25 tháng 5 năm 2024 đến ngày 25 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà A;
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà B;
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà C;
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà D;
- Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà E
- Nguồn số 6: Nước thải phát sinh từ công trình nhà Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn;
- Nguồn số 7: Nước thải phát sinh từ công trình Nhà nghỉ ca nhân viên và lái xe;
- Nguồn số 8: Nước thải phát sinh từ vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải từ bể khử trùng đạt quy chuẩn thải cống thoát nước thải chung của thành phố trên đường Nguyễn Hữu Dật và tự chảy ra sông Cầu Hạc.
- Tọa độ vị trí cửa xả nước thải: Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , như sau: X= 21919945 (m); Y= 581691 (m)

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $364 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3. Phương thức xả nước thải:

Tự chảy tràn và kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.
- Chất lượng nước thải:

2.4. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, k = 1), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	6,5-8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	100
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0
6	Hàm lượng N/NH ₄ ⁺	mg/l	10
7	Hàm lượng P/PO ₄ ³⁻	mg/l	10
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20
9	Tổng colifoms	MPN/100ml	5.000
10	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
11	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
14	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

* **Ghi chú:** “KPH”: Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải:

- *Nước mưa chảy tràn:*

Nước mưa chảy tràn trên mái và sân, đường nội bộ → Rãnh thoát nước mưa KT RxH = 0,4m x 0,5m, L = 650m có bố trí 20 hố ga (trên hệ thống rãnh thoát nước mưa) lắng cặn → mương thoát nước mưa của thành phố

- *Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, nước thải nhà vệ sinh, nước thải từ nhà ăn.*

+ Nước thải tắm, giặt, vệ sinh phòng bệnh thu gom bằng đường ống u PVC D90 qua hố ga sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 500 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 500 m³/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D125, D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 500 m³/ngày.đêm.

- *Nước thải y tế:*

Nước thải y tế → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 500 m³/ngày.đêm.

- *Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn:*

Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D165 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 500 m³/ngày.đêm

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 03 ngăn: số lượng 08 bể, tổng thể tích 405 m³.

- Bể tách dầu mỡ: thể tích 5 m³, kích thước: dài x rộng x cao = 2,5m x 2m x 1,0m.

- Đường ống D300: chiều dài L = 450m.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 500 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý như sau:

Nước thải bệnh viện gồm: Nước thải sinh hoạt, Nước thải y tế và Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn sau xử lý sơ bộ → Hàm tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể oxi hóa → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; bể lắng và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét như sau:

+ Mương rãnh, hố ga, bể tách dầu: 03 tháng/lần.

+ Bể tự hoại: 01 năm/lần.

+ Bể lắng nước thải của hệ thống xử lý tập trung: 24 tháng/lần

+ Bể chứa bùn của hệ thống xử lý tập trung: 06 tháng/lần.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:

+ Tại bể lắng cặn + tách dầu mỡ: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn việc dẫn nước vào hệ thống.

+ Bể hiếu khí: Hàng ngày vệ sinh đầu dò do bị bẩn, bị lắng bao quanh; Kiểm tra hệ thống phân phối khí để hạn chế sự phân phối bọt khí trong bể không đều (có vùng có khí, có vùng không có khí) do giá thể bị tắc hoặc hệ thống phân phối khí bị hở, bị hỏng.

+ Bể lắng bùn: Xả bùn đúng quy định (06 tháng/lần) để tránh hiện tượng bùn nổi lên bề mặt.

+ Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.

+ Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ tại bể thu gom và bể điều hòa của hệ thống xử lý, nhanh chóng khắc phục sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, nước thải được bơm quay vòng để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 500m³/ngày.đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Tại Hàm tiếp nhận nước thải đầu vào và tại bể khử trùng nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 500m³/ngày.đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4, Phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành ổn định, Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Bệnh viện đa khoa Hợp Lực, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	55	45	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).
- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.
- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

- + Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

- + Đế máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- + Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		70.080
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	59.420
2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	3.060
3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế...)	13 03 02	4.980
4	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	5
5	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	18 01 04	2495
6	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	13 01 07	120
II	Chất thải nguy hại khác		60
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	15
3	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa các hóa chất độc hại) thải bỏ.	18 01 01	20
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	5
	Tổng		70.140

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải y tế thông thường	118.785,6
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	66.430
	Tổng khối lượng	185.215,6

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân	277,17
	Tổng khối lượng	277,17

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác màu vàng đặt trên xe tiêm	Dung tích 14lít	61 cái
2	Thùng rác màu vàng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 20lít	34 cái
3	Thùng rác sắc nhọn đặt trên xe tiêm	Dung tích 2-6,8lít	200 cái
4	Thùng Composite màu vàng 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	22 cái
5	Thùng Composite màu đen 120 lít đặt tại hành lang	Dung tích 120 lít	05 cái
6	Thùng Composite màu vàng 240 lít đặt tại hành lang	Dung tích 240 lít	04 cái
7	Thùng Composite màu đen 660 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 660 lít	02 cái

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa CTNH là 12m²

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

- Chất thải lây nhiễm (Chất thải sắc nhọn: Là chất thải có thể gây ra các vết cắt hoặc chọc thủng, có thể nhiễm khuẩn, bao gồm: bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn

của dây truyền, lưỡi dao mổ, đinh mổ, cưa, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ và các vật sắc nhọn khác sử dụng trong các hoạt động y tế; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Là chất thải bị thấm máu, thấm dịch sinh học của cơ thể và các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly; Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Là chất thải phát sinh trong các phòng xét nghiệm như: bệnh phẩm và dụng cụ đựng, dính bệnh phẩm; Chất thải giải phẫu: Bao gồm các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người: rau thai, bào thai và xác động vật thí nghiệm): được vận chuyển và đốt tại khuôn viên Khu hỏa táng Phúc Lạc Viên, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa bằng Lò đốt chất thải rắn y tế ST-30 (theo văn bản số 11721/UBND-NN ngày 12/11/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thay đổi biện pháp xử lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Đa khoa Hợp Lực). Chỉ được chuyển giao chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Chất thải nguy hại khác (trừ các loại ở trên và bùn thải của hệ thống xử lý nước thải): Hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường và chất thải khác

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác 14 lít màu trắng đặt trên xe tiêm	Dung tích 14 lít	122 cái
2	Thùng rác 15 lít màu trắng đặt tại các phòng khám	Dung tích 15 lít	29 cái
3	Thùng rác 15 lít màu trắng đặt tại các phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	36 cái
4	Thùng Composite màu trắng 120 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 120 lít	15 cái
	Thùng Composite màu trắng 240 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 240 lít	3 cái
5	Thùng Composite màu trắng 240 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	2 cái
6	Thùng Composite màu trắng 660 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 660 lít	2 cái

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải trong nhà

- Nhà tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 30 m².
- Nhà lưu giữ chất thải rắn tái chế có diện tích 30 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn.

2.2.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Chỉ được chuyển giao chất thải y tế thông thường có thể tái chế cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu giữ

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác 14 lít màu xanh đặt trên các xe tiêm	Dung tích 14 lít	61 cái
2	Thùng rác 15 lít màu xanh đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 20 lít	24 cái
3	Thùng Composite màu xanh 120 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 120 lít	34 cái
	Thùng Composite màu xanh 240 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 240 lít	7 cái
4	Thùng Composite màu xanh 240 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	02 cái
5	Xe thu gom rác bằng sắt 0,5 m ³	Dung tích 0,5m ³	8 xe

2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời

- Thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày.

2.3.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt, tăng cường tái sử dụng rác thải, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý đối với các loại chất thải không thể tái sử dụng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sức khỏe khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B; K = 1,0). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.